TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Trọng Trung
2. Ông Lê Duy Bình

Thư ký phiên toà: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L - Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn Đ - Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24/3/2025 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Hoàng Thị L trình bầy:

Chị và anh Hà Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 05/6/2012 tại UBND xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh Hà Văn Đ không quan tâm chăm lo gia đình, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không hoà thuận, hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến

nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Quá trình giải quyết, anh Đ vẫn sinh sống tại địa phương nhưng anh không đến Toà án làm việc. Toà án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Đ, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2025, anh trình bầy: Anh và chị L đăng ký kết hôn ngày 05/6/2012 tại UBND xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn. Anh, chị chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, chị L đi làm xa, không quan tâm đến gia đình. Năm 2021 chị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình, địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Anh yêu cầu chị L phải trả 20.000.000 đồng tiền sính lễ khi đám cưới nhưng chị L không đồng ý nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị L đồng ý trả tiền sính lễ theo yêu cầu của anh thì anh đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định, không có ý kiến đề nghị gì khác.

Về con chung: Chị L và anh Đ đều trình bầy, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hà Thư N - Sinh ngày: 22/01/2010 và cháu Hà Ngọc Ng – Sinh ngày: 03/4/2012, hiện tại hai cháu phát triển bình thường. Anh Đ có ý kiến, trường hợp Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Hà Thư N để chị L nuôi dưỡng cháu Hà Ngọc Ng. Chị L cũng nhất trí nuôi dưỡng cháu Ng và để anh Đ nuôi dưỡng cháu N sau khi ly hôn. Anh Đ và chị L đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh Đ đều không yêu cầu chia tài sản chung và đều trình bầy không có công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định các đương sự có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Hà Thư N - Sinh ngày: 22/01/2010 và cháu Hà Ngọc Ng – Sinh ngày: 03/4/2012. Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ng, anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà Ngọc Ng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi; Giao cháu Hà Thư N cho

anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ nhưng không hoà giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Văn Đ và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L có nguyện vọng xin ly hôn và mâu thuẫn của anh chị được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không đến Toà án làm việc. Tại biên bản lấy lời khai, anh Đ cũng trình bầy vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị L trả 20.000.000đồng là tiền sính lễ khi anh cưới chị L. Do chị L không đồng ý trả tiền sính lễ nên anh không đồng ý ly hôn. Toà án đã hoãn phiên toà lần thứ nhất do vắng mặt bị đơn, vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn lần thứ hai không có lý do là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ không đồng ý ly hôn với lý do chị L không trả tiền sính lễ theo yêu cầu của anh là không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Anh Đ cũng không đến Toà án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề gì. Do mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không hạnh phúc, hiện tại anh chị đã sống ly thân nhiều năm, vì vậy việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Qúa trình chung sống, chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Hà Thư N - Sinh ngày: 22/01/2010 và cháu Hà Ngọc Ng – Sinh ngày: 03/4/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ng, để anh Đ nuôi dưỡng cháu N cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N, để chị L nuôi dưỡng cháu Ng. Anh, chị đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, chị L và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, anh, chị có mức thu nhập được địa phương xác nhận đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Toà án đã hỏi ý kiến, cháu Ng có nguyện vọng ở với mẹ, cháu N có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy cần giao cháu Hà Ngọc Ng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hà Thư N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác nhận không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Hoàng Thị L ly hôn với anh Hà Văn Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Hà Văn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Hà Thư N - Sinh ngày: 22/01/2010 cho anh Hà Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Hà Ngọc Ng – Sinh ngày: 03/4/2012 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; Anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Hà Văn Đ và chị Hoàng Thị L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo giấy thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 000003419936 ngày 25/3/2025 nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Biên lai số 0004239 thu từ lệnh thanh toán đến ngày 27/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai). Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Làng Giàng;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng L

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng L

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Làng Giàng;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng L

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lng L

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lng L